ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC

NHÓM NĂNG LỰC: CM (CL, CN, QL)

TÊN NĂNG LỰC: F069 - KIỂM THỬ PHẦN MỀM

CẤP ĐỘ: 2

**Biểu hiện:** Các biểu hiện như cấp độ 1; và

* Đọc và hiểu được yêu cầu của khách hàng, các tiêu chuẩn chấp thuận, đặc tả yêu cầu phần mềm, tài liệu thiết kế (và/hoặc các ràng buộc khác của khách hàng để xác định đầu bài kiểm định)
* Viết được Kế hoạch kiểm định (test plan) từ góc độ yêu cầu của người dùng dựa trên tần suất sử dụng, mức độ quan trọng, rủi ro của yêu cầu người dùng/yêu cầu chức năng.
* Xác định được cách thức kiểm thử, điều kiện kết thúc và phương pháp đo lường kết quả sẽ áp dụng cho dự án, yêu cầu nguồn lực và các điều kiện để thực hiện kiểm định
* Viết các kịch bản kiểm định (điều kiện kiểm định, tình huống/kịch bản, yêu cầu kết quả)
* Kỹ năng viết tài liệu:
* Có khả năng xây dựng tài liệu có cấu trúc rõ ràng và dễ hiểu
* Báo cáo các lỗi hiệu quả nhằm nhanh chóng sửa đổi/khắc phục lỗi

# MC

| Anh/chị cho biết Kiểm thử chấp nhận (Acceptance testing) được thực hiện bởi đối tượng nào: | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Lập trình viên |  | 0 |
|  | Kiểm định viên |  | 100 |
|  | Khách hàng |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết Kiểm thử thành phần (Unit testing) được thực hiện với mục đích nào: | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Đảm bảo các chức năng cần thiết và mong đợi của khách hàng có trong sản phẩm phần mềm |  | 0 |
|  | Đảm bảo mỗi dòng lệnh trong chương trình được thực thi tối thiểu 1 lần |  | 100 |
|  | Đảm bảo hệ thống được thực thi với hiệu suất cao |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho thời điểm xây dựng Kế hoạch kiểm thử (Test Plan) nào là không đúng | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Ngay sau khi thống nhất yêu cầu với khách hàng Customer Requirements) |  | 100 |
| B | Sau khi thống nhất yêu cầu với khách hàng Customer Requirements), định nghĩa các tiêu chuẩn chấp nhận (Acceptance Criteria) |  | 0 |
| C | Sau khi hoàn thành Kế hoạch dự án |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết đầu vào của Kế hoạch dự án cần những thông tin nào? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
| A | Đặc tả yêu cầu (Requirement Specification) |  | 0 |
| B | Thiết kế chi tiết (Detail design) |  | 0 |
| C | Tài liệu hướng dẫn sử dụng (User guide) |  | 0 |
| D | Không có yêu cầu nào trong các yêu cầu trên |  | 100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết đâu là định nghĩa Lỗi (Error) trong sản xuất phần mềm đúng? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
| A | Lỗi là những vấn đề mà con người mắc phải trong quá trình phát triển các sản phẩm phần mềm. |  | 100 |
| B | Lỗi là những sự cố do máy chủ gây ra |  | 0 |
| C | Lỗi là những sự cố do hệ điều hành gây ra |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết đâu là phát biểu đúng về Sai sót (Fault) trong sản xuất phần mềm? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
| A | Sai rất dễ được phát hiện |  | 0 |
| B | Lỗi (Error) gây ra Sai (Fault) |  | 100 |
| C | Thất bại (Failure) sinh ra Sai |  | 0 |
| D | Sự cố (Incident) sinh ra Sai |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết Thẩm định (Validation) là gì? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
| A | Thẩm định là quá trình để đảm bảo rằng một sản phẩm phần mềm thỏa mãn đặc tả của nó. |  | 0 |
| B | Thẩm định là quá trình để đảm bảo rằng sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của người dùng (khách hàng). |  | 100 |
| C | Thẩm định là quá trình tìm ra lỗi của hệ thống |  | 0 |
| D | Thẩm định là quá trình phê duyệt kết quả kiểm định |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết phát biểu nào về kiểm thử hộp đen dưới đây KHÔNG đúng? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
| A | Kiểm thử hộp đen trong đó nội dung của hộp đen (việc cài đặt) không được biết/không cần quan tâm, và chức năng của hộp đen được hiểu theo các dữ liệu đầu vào và dữ liệu đầu ra của nó. |  | 0 |
| B | Kiểm thử hộp đen yêu cầu phải debug từng dòng lệnh trong mã nguồn |  | 100 |
| D | Kiểm thử hộp đen không yêu cầu người kiểm thử phải biết các phần tử cấu thành hộp đen |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết Kế hoạch kiểm thử KHÔNG gồm những nội dung nào: | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Các tiêu chí chấp nhận (Acceptance Criteria) |  | -100 |
|  | Thiết kế hệ thống |  | 100/3 |
|  | Yêu cầu người dùng |  | 100/3 |
|  | Các trường hợp kiểm thử (test-case) |  | 100/3 |
|  | Các mốc kiểm thử (milestone) |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết các nguyên nhân nào KHÔNG dẫn đến phát sinh lỗi trong phần mềm: | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Do mô tả yêu cầu |  | 100/2 |
|  | Do thiết kế phần mềm |  | -100 |
|  | Do quá trình thực thi phần mềm |  | -100 |
|  | Do chi phí vượt quá dự kiến |  | 100/2 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết ước lượng về nguồn lực (effort) được sử dụng bởi ISTQB trong quá trình lập Kế hoạch kiểm định KHÔNG dựa vào những kỹ thuật nào? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Dựa trên số liệu (Metrics-based) |  | -100 |
|  | Dựa trên năng lực máy chủ |  | 100/2 |
|  | Dựa trên kinh nghiệm (Expert-based) |  | -100 |
|  | Dựa trên nguồn lực thực tế |  | 100/2 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết phương pháp tiếp cận dựa trên số liệu (metric-based) để ước lượng nguồn lực kiểm thử cho kế hoạch kiểm thử ở mức đơn giản không dùng những cách thức nào dưới đây: | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Tham khảo ý kiến chuyên gia đã có kinh nghiệm |  | 100/2 |
|  | Tham khảo tỷ lệ kiểm thử viên/lập trình viên trong dự án thông lệ |  | -100 |
|  | Phân loại dự án theo kích cỡ, độ phức tạp và tìm giá trị trung bình để ước lượng cho dự án |  | -100 |
|  | Dựa vào nguồn tài chính sẵn có |  | 100/2 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết đâu không phải là nội dung các mốc (milestones) cần đưa vào trong Kế hoạch kiểm thử? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Tên mốc: Liệt kê những công việc sẽ thực hiện trong dự án |  | -100 |
|  | Kinh phí |  | -100 |
|  | Yêu cầu người dùng |  | 100/3 |
|  | Phân tích thiết kế |  | 100/3 |
|  | Test-case |  | 100/3 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết đâu là dạng ít thấy của kiểm thử tổ hợp? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Kiểm thử đôi một |  | -100 |
|  | Kiểm thử các giá trị đặc biệt |  | 100/2 |
|  | Ma trận trực giao |  | -100 |
|  | Kiểm thử giá trị biên tổ hợp |  | 100/2 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết đâu là phát biểu SAI về kiểm thử hộp trắng? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Kiểm thử hộp trắng chỉ cho phép phát hiện các lỗi/khiếm khuyết có thể quan sát được |  | 100/2 |
|  | Kiểm thử hộp trắng sử dụng các chiến lược cụ thể và sử dụng mã nguồn của chương trình/đơn vị phần mềm cần kiểm thử nhằm kiểm tra xem chương trình/đơn vị phần mềm có thực hiện đúng so với thiết kế và đặc tả hay không |  | -100 |
|  | Kiểm thử hộp trắng cho phép phát hiện các lỗi/khiếm khuyết tiềm ẩn bên trong chương trình/đơn vị phần mềm |  | -100 |
|  | Kiểm thử hộp đen và kiểm thử hộp trắng có thể thay thế cho nhau mà vẫn đảm bảo chất lượng phần mềm. |  | 100/2 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |

# MA

| Anh/chị cho phương pháp nào dưới đây không được sử dụng trong kiểm thử hộp trắng? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Kiểm thử dòng điều khiển (control flow testing) |  | 100 |
|  | Kiểm thử dòng dữ liệu (data flow testing) |  | 100 |
|  | Kiểm thử hàm |  | 100/2 |
|  | Kiểm thử tích hợp |  | 100/2 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |

# MA

| Anh/chị cho kiểm thử dựa trên mô hình có thể dùng công cụ nào dưới đây? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | AGEDIS |  | 100/2 |
|  | SOAP UI |  | -100 |
|  | Spec Explorer |  | 100/2 |
|  | CFT4CUnit |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |

# MA

| Anh/chị cho biết trong các phát biểu về kiểm thử dựa trên mô hình dưới đây, phát biểu nào chưa đúng? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | kiểm thử dựa trên mô hình là một phương pháp kiểm thử nơi mà các ca kiểm thử được sinh ra từ mô hình đặc tả hành vi của hệ thống đang được kiểm thử |  | -100 |
|  | Kiểm thử dựa trên mô hình không cần xây dựng đặc tả bằng một trong các phương pháp hình thức như: máy hữu hạn trạng thái, biểu đồ trạng thái, máy trạng thái UML, chuỗi Markov, văn phạm, bảng quyết định, ... |  | 100/3 |
|  | Kiểm thử dựa trên mô hình thường được sử dụng để kiểm thử bằng nhân công. |  | 100/3 |
|  | Kiểm thử dựa trên mô hình cần phải xây dựng mô hình dựa trên bản mô tả yêu cầu của người dung. |  | 100/3 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |

# MA

| Anh/chị cho biết kiểm thử tự động không thực hiện những việc nào dưới đây? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Kiểm thử tự động làm tăng thời gian, công sức và kinh phí trong quá trình kiểm thử sản phẩm phần mềm |  | 100/3 |
|  | Kiểm thử tự động là quá trình thực hiện một cách tự động các bước trong  một kịch bản kiểm thử. |  | -100 |
|  | Kiểm thử tự động là việc sử dụng công cụ để tự động sinh kịch bản kiểm thử. |  | 100/3 |
|  | Kiểm thử tự động chỉ được được sử dụng khi dự án có dư tài nguyên (thời gian, nhân lực và chi phí) |  | 100/3 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |

# MA

| Anh/chị cho biết bộ kiểm thử tự động không thực hiện được những việc nào dưới đây? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Thực hiện các thảo tác thủ công trên màn hình sản phẩm |  | 100/2 |
|  | Sinh các ca kiểm thử |  | -100 |
|  | Tổng hợp báo cáo theo mẫu của trưởng dự án |  | 100/2 |
|  | Sinh giá trị đầu ra mong muốn |  | -100 |
|  | So sánh kết quả kiểm thử |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |

# MA

| Anh/chị cho biết công cụ kiểm thử tự động Load Runner không thực hiện được những việc nào dưới đây? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Load Runner giả lập một môi trường ảo gồm nhiều người dùng thực hiện các giao dịch cùng một lúc nhằm giám sát các thông số xử lý của phần mềm cần kiểm thử. |  | -100 |
|  | Load Runner tự động tạo ra các kịch bản kiểm thử để lưu lại các thao tác người dùng tương tác lên phần mềm. |  | -100 |
|  | Load Runner cho phép kiểm soát việc kiểm thử tự động các chức năng của các sản phẩm phần mềm cần kiểm thử. |  | 100/2 |
|  | Load Runner là để phục vụ thử các đơn vị chương trình viết bằng Java |  | 100/2 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |

# MA

| Anh/chị cho công cụ kiểm thử tự động QuickTest Professional không thực hiện được những việc nào dưới đây? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | QuickTest Professional cho phép giả lập một môi trường ảo gồm nhiều người dùng thực hiện các giao dịch cùng một lúc nhằm giám sát các thông số xử lý của phần mềm cần kiểm thử. |  | 100/2 |
|  | QuickTest Professional là phần mềm kiểm soát việc kiểm thử tự động các chức năng của các sản phẩm phần mềm cần kiểm thử |  | -100 |
|  | QuickTest Professional cho phép hỗ trợ kiểm thử hàm (kiểm thử chức năng) và cho phép tiến hành kiểm thử hồi quy một cách tự động. |  | -100 |
|  | QuickTest Professional là công cụ kiểm thử chỉ dành cho các đơn vị chương trình viết bằng C++ |  | 100/2 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |

# MA

| Anh/chị cho biết các giao diện chính ít gặp là những giao diện nào dưới đây? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Giao diện gọi hàm/thủ tục (procedure call) |  | -100 |
|  | Giao diện truyền gói tin (package passing) |  | 100/2 |
|  | Giao diện truy vấn CSDL |  | 100/2 |
|  | Giao diện bộ nhớ dùng chung (shared memory) |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |

# MA

| Anh/chị cho biết đâu là phát biểu SAI về kiểm thử tích hợp Top-down? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Tích hợp từ trên xuống là tích hợp từ hàm chính (main) - gốc của cây. Các  hàm được gọi trong hàm main trước khi tích hợp là các hàm giả (stub) |  | -100 |
|  | Tích hợp Top-down tương đương với tổ hợp tích hợp sandwich và big-bang |  | 100/2 |
|  | Tích hợp Top-down là tích hợp big-bang với các cây con |  | 100/2 |
|  | Trong tích hợp Top-down, các hàm giả là các hàm mô phỏng hàm được gọi và sẽ được bỏ đi khi tích hợp với hàm thật. |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |

# MA

| Anh/chị cho biết kiểm thử hệ thống không đảm bảo những điều nào dưới đây? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Kiểm thử hệ thống cho phép kiểm tra hệ thống so với đặc tả yêu cầu |  | -100 |
|  | Kiểm thử hệ thống đảm bảo hệ thống không còn lỗi |  | 100/2 |
|  | Kiểm thử hệ thống để kiểm tra sản phẩm  đạt yêu cầu kỹ thuật chưa |  | -100 |
|  | Kiểm thử hệ thống cho phép khẳng định tính đúng đắn và đầy đủ của sản phẩm |  | 100/2 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |

# TF

| Các mốc bàn giao sản phẩm cho khách hàng (deliverables) nằm trong test case  Anh/chị cho biết đúng hay sai? | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Danh sách rủi ro có thể ảnh hưởng đến thiết kế hoặc thực hiện kiểm thử phải được bao gồm trong tài liệu phân tích hệ thống.  Anh/chị cho biết đúng hay sai? | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: ”Kiểm thử chấp nhận (Acceptance Test) là kiểm thử trên từng dòng lệnh.” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: ”Kiểm thử hồi quy chỉ kiểm tra lại các ca kiểm thử thất bại trước đó” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: ”Kiểm thử chức năng hệ thống phụ thuộc vào chi tiết thiết kế và cài đặt” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: ”Mục đích chính của một phép kiểm thử là đảm bảo không dư thừa dòng lệnh nào” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: ” Mức kế tiếp với kiểm thử đơn vị là kiểm thử chấp nhận (acceptance test).” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: ”Kiểm thử chấp nhận được thực hiện là để đảm bảo sản phẩm không còn lỗi nào” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: ”Phương pháp đơn giản để kiểm thử hồi quy là chạy lại tất cả các ca kiểm thử bị lỗi.” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |